

BẢNG ĐIỂM THI MÔN: QUẢN TRỊ LOGISTICS KD K11, KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
1	1001030500	Phạm Thị Phương	Chi	09/08/2004	QT10B	000001	107	3.8	01
2	1001030502	Phạm Minh	Chiến	23/09/2004	QT10B	000002	275	3.2	01
3	1001031207	Trương Mạnh	Cường	10/02/2004	QT10B	000003	314	3.8	01
4	1001030527	Đinh Tiến	Dũng	12/02/2004	QT10B	000004	438	4.8	01
5	1101031146	Trịnh Hương	An	08/04/2005	QT11A	000005	541	4.8	01
6	1101031429	Lê Hải	Anh	17/08/2005	QT11A	000006	693	6.4	01
7	1101030469	Lê Quang	Anh	23/10/2005	QT11A	000007	780	5.6	01
8	1101030483	Phạm Thị Nguyệt	Anh	13/02/2005	QT11A	000008	859	3.0	01
9	1101030495	Ngô Thị Nguyệt	Ánh	05/11/2005	QT11A	000009	107	7.0	01
10	1101030500	Nguyễn Đức Tùng	Bách	02/12/2005	QT11A	000010	275	6.4	01
11	1101031438	Lê Thanh	Bình	06/08/2005	QT11A	000011	314	4.2	01
12	1101031168	Nguyễn Thắng	Đông	23/08/2005	QT11A	000012	438	6.8	01
13	1101030519	Nguyễn Anh	Dũng	20/12/2005	QT11A	000013	541	5.0	01
14	1101030525	Đào Quang	Duy	19/02/2005	QT11A	000014	693	3.4	01
15	1101030530	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	24/03/2005	QT11A	000015	780	5.6	01
16	1101031412	Nguyễn Nam	Giang	04/03/2005	QT11A	000016	859	6.0	01
17	1101030538	Đặng Hoàng	Hải	09/05/2005	QT11A	000017	107	6.0	01
18	1101031359	Lê Thị Diễm	Hằng	17/11/2005	QT11A	000018	275	4.6	01
19	1101030543	Nguyễn Thị	Hào	24/03/2005	QT11A	000019	314	3.4	01
20	1101030548	Nguyễn Tuấn	Hiệp	15/11/2005	QT11A	000020	438	7.6	01
21	1101030437	Lê Kim	Huệ	06/09/2005	QT11A	000021	541	7.4	01
22	1101030559	Phạm Thị	Huệ	12/10/2005	QT11A	000022	693	5.4	01
23	1101030561	Phùng Tuấn	Hùng	13/09/2005	QT11A	000023	780	8.4	01
24	1101031731	Đỗ Thu	Hương	07/08/2005	QT11A	000024	859	8.2	01
25	1101031196	Khổng Thị Lan	Hương	09/04/2005	QT11A	000025	107	8.0	01
26	1101030829	Lương Gia	Huy	24/09/2005	QT11A	000026	275	6.0	01
27	1101031198	Đỗ Chu Khánh	Huyền	15/01/2005	QT11A	000027	314	3.4	01
28	1101030399	Nguyễn Thị	Huyền	28/06/2005	QT11A	000028	438	5.0	01
29	1101030580	Nguyễn Quốc	Khánh	01/09/2005	QT11A	000029	541	4.6	01
30	1101030581	Đỗ Trung	Kiên	28/04/2005	QT11A	000030	693	3.2	01
31	1101030588	Phan Thị	Liễu	31/12/2004	QT11A	000031	780	6.8	01
32	1101030603	Nguyễn Thùy	Linh	23/03/2005	QT11A	000032	859	7.2	01
33	1101031371	Phạm Thị Hồng	Linh	11/12/2005	QT11A	000033	107	5.8	01
34	1101030608	Đào Văn	Lộc	19/11/2005	QT11A	000034	275	4.6	01
35	1101030616	Trần Thị Hương	Ly	26/01/2005	QT11A	000035	314	5.4	01
36	1101031215	Đinh Thế	Minh	04/12/2005	QT11A	000036	438	4.8	01
37	1101030627	Phạm Hồng	Minh	04/12/2005	QT11A	000037	541	6.8	01
38	1101030628	Trịnh Công	Minh	09/11/2005	QT11A	000038	693	5.8	01
39	1101030638	Nguyễn Thúy	Nga	14/07/2005	QT11A	000039	859	5.0	01
40	1101030643	Nguyễn Thị Bích	Ngân	25/09/2005	QT11A	000040	780	9.6	01
41	1101031732	Nguyễn Thanh	Ngoan	01/04/2005	QT11A	000041	107	7.4	01
42	1101030660	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/05/2005	QT11A	000042	275	8.0	01
43	1101030665	Nguyễn Đình	Phi	08/09/2005	QT11A	000043	314	7.4	01
44	1101031222	Bùi Thu	Phương	23/09/2005	QT11A	000044	438	6.2	01
45	1101030681	Vũ Nguyễn Đình	Quang	15/04/2005	QT11A	000045	541	6.6	01
46	1101031420	Lê Thị Diễm	Quỳnh	26/08/2005	QT11A	000046	693	5.8	01

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
47	1101031366	Lưu Danh	Thái	14/02/2005	QT11A	000047	780	5.2	01
48	1101031229	Nguyễn Thị	Thảo	05/05/2005	QT11A	000048	107	9.0	01
49	1101030420	Vũ Minh	Thu	02/11/2005	QT11A	000049	275	6.2	01
50	1101030731	Phạm Xuân	Trung	26/08/2005	QT11A	000050	314	6.2	01
51	1101031252	Nguyễn Thị Hà	Uyên	08/11/2005	QT11A	000051	438	7.4	01
52	1101030743	Nguyễn Thị Hồng	Vân	13/08/2005	QT11A	000052	541	6.2	01
53	1101030752	Nguyễn Ý	Vy	02/10/2005	QT11A	000053	693	6.8	01
54	1101041424	Nguyễn Xuân	Bình	19/03/2005	CT11A	000054	780	4.2	02
55	1101040373	Dương Đức	Hiếu	16/02/2005	CT11A	000055	859	0	02(BB)
56	1101041088	Vũ Văn	Hùng	23/08/2004	CT11A	000056	107	5.4	02
57	1101040374	Bùi Thị Lan	Hương	19/10/2005	CT11A	000057	275	6.0	02
58	1101041090	Đào Chí	Kiên	22/10/2004	CT11A	000058	314	6.4	02
59	1101040376	Vũ Thị Trà	My	21/10/2005	CT11A	000059	438	6.6	02
60	1101040377	Hoàng Văn	Tài	22/09/2005	CT11A	000060	541	4.6	02
61	1101040378	Ngô Mai	Thi	07/07/2005	CT11A	000061	693	9.0	02
62	1101040380	Phạm Thị Đoàn	Trang	03/02/2005	CT11A	000062	780	6.6	02
63	1101040381	Nguyễn Phạm Quốc	Việt	23/06/2005	CT11A	000063	859	5.2	02
64	1101030466	Bùi Thị Ngọc	Anh	30/11/2005	QT11B	000064	107	8.4	02
65	1101031456	Chu Phương	Anh	28/01/2003	QT11B	000065			02
66	1101030489	Trần Hoàng	Anh	05/08/2001	QT11B	000066	314	7.8	02
67	1101030491	Vũ Duy	Anh	07/02/2003	QT11B	000067	438	9.0	02
68	1101030496	Nguyễn Ngọc	Ánh	24/12/2005	QT11B	000068	541	7.2	02
69	1101030502	Phạm Ngọc	Biên	30/03/2005	QT11B	000069	693	8.2	02
70	1101031161	Khuất Duy	Cường	01/01/2005	QT11B	000070			02
71	1101031165	Lê Thành	Đạt	26/02/2004	QT11B	000071	859	7.8	02
72	1101030526	Nguyễn Đức	Duy	09/07/2005	QT11B	000072	107	8.6	02
73	1101030529	Trần Văn	Duy	23/10/2003	QT11B	000073	275	8.2	02
74	1101030805	Nguyễn Ngọc	Giang	30/09/2005	QT11B	000074	314	8.8	02
75	1101030947	Giang Thị	Hà	25/12/2005	QT11B	000075	438	7.0	02
76	1101030539	Nguyễn Duy	Hải	02/09/2005	QT11B	000076	780	6.6	02
77	1101030542	Nguyễn Thị Thu	Hằng	14/02/2005	QT11B	000077	275	7.4	02
78	1101031189	Đoàn Trung	Hiếu	02/12/2005	QT11B	000078	541	6.2	02
79	1101030558	Phạm Minh	Huệ	10/04/2005	QT11B	000079	859	5.2	02
80	1101030560	Mẫn Đức Mạnh	Hùng	01/08/2005	QT11B	000080	107	0.0	02(BB)
81	1001031233	Nguyễn Văn	Hùng	19/10/2004	QT11B	000081	275	6.0	02
82	1101030563	Hoàng Tuấn	Hưng	28/08/2005	QT11B	000082	314	5.8	02
83	1101030564	Lê Mai	Hương	11/08/2005	QT11B	000083	438	8.4	02
84	1101031360	Phạm Tuấn	Huy	03/07/2002	QT11B	000084	541	6.4	02
85	1101030441	Lưu Thị Thu	Huyền	26/11/2005	QT11B	000085	693	4.8	02
86	1101030131	Đỗ Thị	Khuyên	28/06/2005	QT11B	000086	780	6.0	02
87	1101031385	Hoàng Thị Mai	Lan	17/11/2005	QT11B	000087	859	5.4	02
88	1001031250	Nguyễn Thị	Lan	20/07/2004	QT11B	000088	107	5.8	02
89	1101030589	Bùi Lê Phương	Linh	23/09/2004	QT11B	000089	275	9.2	02
90	1101030598	Nguyễn Khánh	Linh	03/08/2005	QT11B	000090	314	5.2	02
91	1101030599	Nguyễn Khánh	Linh	13/12/2005	QT11B	000091	438	6.6	02
92	1101030606	Vũ Phương	Linh	31/12/2005	QT11B	000092	541	6.2	02
93	1101030609	Ngô Gia	Lợi	23/10/2005	QT11B	000093	693	5.0	02
94	1101030614	Phạm Khánh	Ly	16/10/2005	QT11B	000094	780	6.8	02
95	1101030617	Vũ Khánh	Ly	06/12/2005	QT11B	000095	859	6.6	02
96	1101030620	Đỗ Ngọc	Mai	06/06/2005	QT11B	000096	107	7.6	02
97	1101030626	Hồ Văn Nhật	Minh	29/03/2005	QT11B	000097	275	4.6	02

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
98	1101031365	Thạch Thị Ngọc	Minh	27/03/2004	QT11B	000098	314	4.4	02
99	1101030629	Lường Thị	Mừng	18/01/2004	QT11B	000099	438	6.4	02
100	1101030642	Nguyễn Kim	Ngân	03/08/2005	QT11B	000100	541	8.2	02
101	1101030651	Giáp Thị Thảo	Nguyên	16/07/2005	QT11B	000101	693	6.2	02
102	1101030872	Lê Thu Ánh	Nguyệt	19/08/2005	QT11B	000102	780	7.6	02
103	1101031219	Đỗ Thị Quỳnh	Như	17/02/2005	QT11B	000103			02
104	1101030666	Nguyễn Xuân	Phong	18/04/2005	QT11B	000104	859	7.6	02
105	1101031224	Kiều Anh	Quân	04/08/2005	QT11B	000105	107	7.6	02
106	1101030886	Phùng Minh	Quân	19/08/2005	QT11B	000106	275	5.4	02
107	1101030684	Trương Như	Quỳnh	02/07/2005	QT11B	000107	314	4.8	02
108	1101030701	Ngô Thanh	Thảo	07/12/2005	QT11B	000108	438	8.2	02
109	1101030709	Trần Hoài	Thương	04/11/2005	QT11B	000109	541	8.8	02
110	1101031421	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	06/03/2005	QT11B	000110	693	8.6	02
111	1101031389	Đỗ Thị Huyền	Trang	06/12/2005	QT11B	000111	780	5.0	02
112	1101030721	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	18/06/2005	QT11B	000112	859	6.6	02
113	1101030728	Nguyễn Kiều	Trinh	03/10/2005	QT11B	000113	107	7.0	02
114	1101030739	Nguyễn Thị Hải	Uyên	12/05/2005	QT11B	000114	275	6.8	02
115	1101030741	Thắm Thị Tố	Uyên	30/09/2005	QT11B	000115	314	6.8	02
116	1101031254	Vũ Hồng	Vân	10/11/2005	QT11B	000116	438	7.0	02
117	1101030750	Ngô Đăng	Vũ	07/08/2005	QT11B	000117	541	6.0	02
118	1101031255	Nguyễn Hà	Vy	16/05/2005	QT11B	000118	693	6.8	02
119	1101030755	Chữ Thị	Yến	11/06/2005	QT11B	000119	780	6.2	02
120	1101031368	Nguyễn Bảo	Yến	09/10/2005	QT11B	000120	859	6.0	02

Tổng số bài thi: 117

Hưng Yên. Ngày 07 tháng 6 năm 2026

Cán Bộ Chấm 1



Nguyễn Thị Thu Linh

Cán bộ chấm 2



Đỗ Việt Hùng